TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Công.

2. Bà Quang Kim Cúc.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Bảo Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/01/2026, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 221/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2025, Quyết định hoãn số 74/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2025, Quyết định hoãn số 83/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2025, Quyết định hoãn số 06A/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995.

Địa chỉ cư trú: Số C, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số E, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bữu D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số C, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Có đơn xin vắng mặt: Chị Nguyễn Thị T.

Vắng mặt không lý do: Anh Nguyễn Bữu D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ chị Nguyễn Thị T:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bữu D kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2013 ngày 04/4/2013. Sau khi kết hôn, chị T và anh D sống chung hạnh phúc tại nhà cha mẹ chồng. Về sau phát sinh mâu thuẫn do anh D thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, khi khuyên can thì vợ chồng cải vả, Anh D1 ghen tuông vô cớ, cuộc sống chung căng thẳng. Từ tháng 9/2023, chị T và các con đã về nhà mẹ ruột sống và nộp đơn kiện ly hôn với anh D1, nhưng đã rút đơn kiện. Tháng 11/2024 có về sống chung với anh D1. Tuy nhiên không được bao lâu lại phát sinh mâu thuẫn nên chị T về nhà mẹ ruốt sống cho đến nay. Do đó, chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Bữu D.

Về con chung: Chị T và anh D có 03 con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/10/2013, Nguyễn Thị Bích N1, sinh ngày 20/7/2015, Nguyễn Thiện N2, sinh ngày 20/11/2019 hiện đang sống chung với anh D. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/10/2013, Nguyễn Thị Bích N1, sinh ngày 20/7/2015, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thiện N2, sinh ngày 20/11/2019 cho anh Nguyễn Bữu D trực tiếp nuôi dưỡng, chị tài không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Bữu D: Anh Nguyễn Bữu D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp nhưng anh D vắng mặt tại phiên họp không có lý do và cũng không cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Bữu D vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán, Thư ký, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn là chị T chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh D vắng mặt không lý do đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, về hôn nhân cho chị T được ly hôn với anh D; về con chung: giao con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/10/2013, Nguyễn Thị Bích N1, sinh ngày 20/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Thiện N2, sinh ngày 20/11/2019 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết; Án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Bữu D cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) xác định tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Bữu D đang sinh sống tại địa chỉ: Số C, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị T, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hơn 02 lần để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và anh D vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D có ký nhận trực tiếp văn bản tố tụng của Tòa án. Như vậy, anh D đã biết được vụ kiện ly hôn nhưng không đến Tòa theo giấy triệu tập. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại các Điều 228, 238 BLTTDS.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị T và anh D đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số 43/2013 ngày 04/4/2013 đúng theo quy định, là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh D. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về mâu thuẫn: Giữa chị T và anh D là có phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân. Chị T cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu do anh D thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, ghen tuông vô cớ, cuộc sống chung căng thẳng. Do đó, tháng 9/2023, chị T cùng các con đã về nhà mẹ ruột sống và nộp đơn kiện ly hôn với anh D, nhưng được gia đình động viên nên đã rút đơn kiện. Tuy nhiên, sau khi hàn gắn thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nên cuối năm 2024 chị T về nhà mẹ ruốt sống cho đến nay. Như vậy, chị T và anh D đã sống ly thân là không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (viết tắt Luật HNGĐ) quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. ; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*"

- Về khả năng hàn gắn: Đây là lần thứ 02 chị T khởi kiện ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã hòa giải, động viên để chị T hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ nhưng chị T cương quyết yêu cầu ly hôn. Đối với anh D đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng để biết nội dung vụ án nhưng anh D không có mặt và không có văn bản ý kiến. Cho nên, hôn nhân giữa chị T và anh D không giải quyết được mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn tình cảm.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị T và anh D đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Bữu D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ.

[2.2] Về con chung:

Chị T yêu cầu được con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/10/2013, Nguyễn Thị Bích N1, sinh ngày 20/7/2015 và đồng ý giao con chung Nguyễn Thiện N2, sinh ngày 20/11/2019 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy :

- Cháu N và cháu N1 là con gái nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đồng thời, theo biên bản tiếp xúc ngày 13/01/2026, cháu N và cháu N1 trình bày mặc dù đang sống với ba D nhưng có nguyện vọng được sống với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Đều này phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Văn L là cha ruột của anh D. Từ đó cho thấy, khi ly hôn gia đình chị T, anh D đã có ý kiến về việc cháu N1 và cháu N cho mẹ nuôi dưỡng. Phía anh D không có ý kiến tranh chấp nuôi con.

- Đối với cháu Nguyễn Thiện N2 thì chị T đồng ý cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N2 là con trai và đang sống với anh D nên giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao con chung Nguyễn Quỳnh N, Nguyễn Thị Bích N1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thiện N2 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là đảm quyền lợi mọi mặt của con chung theo quy định tại Điều 81 Luật HNGĐ. Chị T, anh D không cấp dưỡng nuôi con chung

Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi dưỡng cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi dưỡng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị T là phù hợp với những phân tích trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 81, 82 và Diều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 228, 233, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Bữu D.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2013 ngày 04/4/2013 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/10/2013, Nguyễn Thị Bích N1, sinh ngày 20/7/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Giao con chung Nguyễn Thiện N2, sinh ngày 20/11/2019 cho anh Nguyễn Bữu D trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3 Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Bữu D không cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4 Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003561 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bữu D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã L, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kim Xuyến